Chi tiết mã HS 8512.30.10

Mã HS	8512.30.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - Còi, đã lắp ráp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 01:33:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85123010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15229
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15229
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15229
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH, CN)	0% (trừ PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14533
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14474
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14474
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14474
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14474
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14474
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14474
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14528
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14528
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14528

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14528
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14528
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14528
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14529
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14529
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14529
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14529
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14529
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14529
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14532
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14480
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14488
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14488
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14488
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14488
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14488
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14488
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14519
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14519
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14519
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14519
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14519
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14519
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14574
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14574
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14574

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14574
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14574
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14574
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14551
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14551
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14551
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14551
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14551
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14551
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14551
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14551
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14551
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14551
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14551
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14551
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14566
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14566
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14566
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14566
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14566
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14566
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14565
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14565
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14565
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14565
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14565

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14565
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14558
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14558
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14558
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14558
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14558
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14558
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14558
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D14553
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E14553
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F14553
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G14553
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H14553
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I14553
RCEP B	2022	2022	25	B!D14553
RCEP B	2023	2023	25	B!E14553
RCEP B	2024	2024	25	B!F14553
RCEP B	2025	2025	25	B!G14553
RCEP B	2026	2026	25	B!H14553
RCEP B	2027	2027	25	B!I14553
RCEP C	2022	2022	*	C!D14553
RCEP C	2023	2023	*	C!E14553
RCEP C	2024	2024	*	C!F14553
RCEP C	2025	2025	*	C!G14553
RCEP C	2026	2026	*	C!H14553
RCEP C	2027	2027	*	C!I14553

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D14552
RCEP D	2023	2023	25	D!E14552
RCEP D	2024	2024	25	D!F14552
RCEP D	2025	2025	25	D!G14552
RCEP D	2026	2026	25	D!H14552
RCEP D	2027	2027	25	D!I14552
RCEP E	2022	2022	25	E!D14556
RCEP E	2023	2023	25	E!E14556
RCEP E	2024	2024	25	E!F14556
RCEP E	2025	2025	25	E!G14556
RCEP E	2026	2026	25	E!H14556
RCEP E	2027	2027	25	E!I14556
RCEP F	2022	2022	25	F!D14553
RCEP F	2023	2023	25	F!E14553
RCEP F	2024	2024	25	F!F14553
RCEP F	2025	2025	25	F!G14553
RCEP F	2026	2026	25	F!H14553
RCEP F	2027	2027	25	F!I14553
VIFTA	2024	2024	21,4	VI!F13543
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G13543
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H13543
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I13543

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.30 có 4 dòng thuế; dòng 8512.30.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Còi, đã lắp ráp.	8512.30.20 Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp; 8512.30.91 Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe; 8512.30.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8512.30.10 có mã Chương 98 tương ứng 9849.30.31 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Còi, đã lắp ráp	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.30.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8512.30.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15229), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.